TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **217**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 8 - 2024
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Phương.

2. Bà Nông Thị Hương.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05/8/2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án dân sự thụ lý số 46/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1993,

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1989.

Cùng nơi cư trú: Thôn T 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh T đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai (bổ sung), nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương từ năm 2011 nhưng đến ngày 26/5/2020 chị và anh T mới ra UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, việc anh chị kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất

đồng quan điểm sống không thể chung sống cùng nhau. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị với anh T đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Thực tế hiện nay chị và anh T đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi, không ai quan tâm gì đến nhau. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Trần Văn T có 02 con chung là cháu Trần Diệp U, sinh ngày 27/02/2011 và cháu Trần Hoàng Y, sinh ngày 30/12/2016. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành và chị không yêu cầu anh Trần Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Chị và anh Trần Văn T không có tài sản chung, đất đai chung không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về công nợ chung: Chị và anh Trần Văn T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Chị Trần Thị H xác định anh Trần Văn T đã biết và được chị trực tiếp thông báo về việc chị gửi đơn đến Toà án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh T, nhưng anh T cố tình trốn tránh nghĩa vụ không đến Toà án làm việc.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

** Đối với bị đơn anh Trần Văn T:*

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 46/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11/3/2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/6/2024 và các văn bản tố tụng khác cho anh Trần Văn T biết, báo gọi anh T nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh T không trực tiếp đến Tòa án làm việc. Toà án đã phối hợp với đại diện thôn T 1, xã T trực tiếp đến nơi cư trú, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh T để lấy lời khai và làm việc nhưng anh T không có mặt tại gia đình và địa phương. Tòa án đã tiến hành làm việc với đại diện chính quyền địa phương (thôn T 1, xã T và UBND xã T) để trực tiếp thông báo về việc chị Trần Thị H gửi đơn đến Toà án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết việc ly hôn giữa chị H với anh T, nhưng anh T cố tình trốn tránh nghĩa vụ không đến Toà án làm việc. Như vậy người bị khởi kiện là anh Trần Văn T đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án tiến hành ghi nhận ý kiến của các cháu: Trần Diệp U, sinh ngày 27/02/2011 và cháu Trần Hoàng Y, sinh ngày 30/12/2016. Cháu U và cháu Y đều trình bày khi bố mẹ các cháu giải quyết ly hôn, các cháu có nguyện vọng được trực

tiếp ở cùng với mẹ các cháu là chị Trần Thị H. Các cháu tự nguyện ở với mẹ đẻ của các cháu và không bị ai ép buộc gì.

Tòa án xác minh tại địa phương thôn T 1, xã T, huyện H được cung cấp: Hiện nay chị Trần Thị H và anh Trần Văn T là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Năm 2011 chị H và anh T có được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng đến năm 2020 chị H và anh T mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Tình cảm vợ chồng trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc bình thường, sau đó vợ chồng chị H và anh T thường xuyên đi làm ăn xa rồi mâu thuẫn căng thẳng không chung sống cùng nhau nữa. Theo chính quyền được biết thì chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn với nhau nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Về con chung chị H và anh T có 02 con chung là Trần Diệp U, sinh ngày 27/02/2011 và cháu Trần Hoàng Y, sinh ngày 30/12/2016. Anh T dù hay đi làm ăn xa nhưng vẫn sinh sống tại địa phương. Đồng thời đại diện thôn T 1, xã T cũng xác định: Địa phương đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 46/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11/3/2024 của Tòa án về việc giải quyết ly hôn giữa chị H và anh T, do Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên gửi nhờ địa phương giao, tống đạt trực tiếp cho anh T biết nội dung. Tuy nhiên do anh T thường xuyên đi làm xa ít ở nhà, đại diện thôn Thành Công 1 đã trực tiếp thông báo lại cho anh T biết và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật. Nay chị H làm đơn xin ly hôn với anh T, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ: Các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn chị Trần Thị H cung cấp cho Tòa án: Đơn khởi kiện; 01 Giấy trích lục kết hôn (bản sao); 01 Căn cước công dân mang tên Trần Thị H (bản sao chứng thực); 02 Giấy khai sinh mang tên Trần Diệp U và Trần Hoàng Y (bản sao chứng thực); 01 xác nhận thông tin cư trú của Công an xã Thành Long (bản chính); 01 Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí (Bản gốc).

- Bị đơn anh Trần Văn T cung cấp cho Tòa án: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, thông báo anh Trần Văn T đến Tòa án làm việc để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần thông báo của Tòa án anh T đều không đến làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung của pháp luật.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát*:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình

giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự:* Nguyên đơn chị Trần Thị H chấp hành tốt các quy định của pháp luật; Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định pháp luật. Vì vậy có thể xác định anh Trần Văn T đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ của mình, nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 179, điểm e khoản 1 Điều 192; các Điều 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Diệp U, sinh ngày 27/02/2011 và cháu Trần Hoàng Y, sinh ngày 30/12/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị H và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng thuộc trường hợp được miễn nên đề nghị miễn án phí cho chị H theo quy định của pháp luật; Anh Trần Văn T không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Trần Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn T nên xác định đây là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin chị H cung cấp và Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn anh Trần Văn T là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn anh Trần Văn T tại phiên tòa: Qua xác minh tại địa phương nơi anh T cư trú và chính quyền địa phương cung cấp: Anh T thường

xuyên đi làm ăn xa thi thoảng mới về nhà. Trước khi chị H nộp đơn ly hôn lên Tòa án thì chị H đã thông báo cho anh T biết việc chị H sẽ làm đơn ly hôn với anh T gửi Tòa án giải quyết, anh T biết nhưng không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật về thụ lý vụ án, mở phiên họp công khai chứng cứ, xét xử thông qua chị Trần Thị H (vợ anh T) và tại địa phương. Như vậy người bị kiện là anh Trần Văn T đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Trần Văn T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương từ năm 2011 nhưng đến ngày 26/5/2020 chị H và anh T mới ra UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, việc chị H và anh T kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng chị H và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh T là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau. Chị H xác định không còn tình cảm với anh T, mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Thực tế chị H và anh T đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi, không ai quan tâm thăm hỏi gì đến nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã quá căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dậy con cái. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H và xử cho chị H được ly hôn với anh Trần Văn T theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T có 02 con chung là cháu Trần Diệp U, sinh ngày 27/02/2011 và cháu Trần Hoàng Y, sinh ngày 30/12/2016.

Từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay các cháu vẫn trực tiếp ở cùng chị Trần Thị H và do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Còn anh Trần Văn T thường xuyên đi làm xa ít khi ở nhà. Ly hôn chị Trần Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu; nguyện vọng của hai cháu muốn được ở cùng chị H; Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương thì cuộc sống của các cháu vẫn đảm bảo cả về tinh thần, vật chất và được học tập đầy đủ khi ở với chị Trần Thị H. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên xử cho chị Trần Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Anh Trần Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Trần Văn T không đến Tòa án làm việc nên không xác định được anh T có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị H không; Đồng thời chị Trần Thị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Do đó, Hội đồng xét xử xét không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Trần Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về công nợ chung: Chị Trần Thị H xác định vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, tuy nhiên chị H thuộc trường hợp được miễn số tiền án phí ly hôn sơ thẩm trên theo quy định của pháp luật; Anh Trần Văn T không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 179, điểm e khoản 1 Điều 192; các Điều 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Trần Diệp U, sinh ngày 27/02/2011 và cháu Trần Hoàng Y, sinh ngày 30/12/2016 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị H và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí:

+ Nguyên đơn chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng chị H được miễn toàn bộ số tiền án phí trên do thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số (dân tộc Cao Lan) cư trú tại thôn Thành Công 1, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang là địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

+ Bị đơn Trần Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Thành Long (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đức Tùng